

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06-9-2021

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Bà Đào Thị Hào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Quỳnh T; nơi ĐKKHKT: Đường H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Đường T, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Duy K; nơi cư trú: Đường V, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2021, trong bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Quỳnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đầu năm 2019 chị Vũ Quỳnh T và anh Bùi Duy K kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng đến ngày 14/7/2020 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình nhà chồng ở số 19/254 đường Văn Cao, phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống bình thường đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp cả về tình cảm và làm ăn kinh tế. Chị T và anh K đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Gia đình và bạn bè hai bên đã động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Do tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Duy K.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện tại chị T đang công tác và tạm trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do tình hình dịch bệnh Covid đang bùng phát nên chị T không có mặt tại trụ sở Tòa án để tham gia phiên tòa; chị T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai đã gửi Tòa án.

* Bị đơn anh Bùi Duy K trình bày trong bản tự khai và tại phiên tòa:

Anh K đồng ý với chị T về điều kiện và quá trình kết hôn. Anh Bùi Duy K và chị Vũ Quỳnh T kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng đến ngày 14/7/2020 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường đến cuối năm 2020, đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp cả về tình cảm và làm ăn kinh tế. Hiện nay anh chị đang sống ly thân, anh K ở Hải Phòng còn chị T ở Bà Rịa – Vũng Tàu, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Gia đình và bạn bè hai bên đã động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vì vậy, anh K đồng ý ly hôn.

Về con chung và tài sản chung anh chị không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vắng mặt tại

phiên tòa, do đang sinh sống ở xa, vùng có dịch bệnh Covid nên đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Tòa án áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh K. Con chung và tài sản chung anh chị trình bày không có nên không đặt vấn đề giải quyết. Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Bùi Duy K cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có lý do và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do tình hình dịch bệnh Covid không tham gia phiên tòa được. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị T, anh K đã trình bày, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh K chung sống bình thường đến cuối năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Hiện nay, anh chị sống ly thân, anh K sống tại Hải Phòng còn chị T sống tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cả hai không còn quan tâm đến nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Chị T và anh K không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về việc chia tài sản chung:

[5] Chị T và anh K thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Vũ Quỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Quỳnh T được ly hôn anh Bùi Duy K.

2. Về việc nuôi con:

Chị Vũ Quỳnh T và anh Bùi Duy K không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị Vũ Quỳnh T và anh Bùi Duy K thống nhất trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Vũ Quỳnh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0007091 ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Vũ Quỳnh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Duy K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 14/7/2000);
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu